2. PHÂN TÍCH SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt

Nội dung và các hoạt động trong từng bài trong *Ngữ văn 6* được thiết kế bám sát vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã xác định. Mỗi bài học đều có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, đọc, viết, nói – nghe cho từng thể loại (xem ma trận dưới đây):

Bài	VB	Yêu cầu cần đạt về đọc	Yêu cầu về kiến thức Tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói – nghe
Lắng nghe lịch sử nước mình	*Thánh Gióng* *Sự tích Hồ Gươm* *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân* *Bánh chưng, bánh giầy*	Đọc hiểu thể loại truyền thuyết	Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy.	Tóm tắt nội dung chính của một VBbằng sơ đồ.	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

Miền cổ tích	*Sọ Dừa* *Em bé thông minh* *Chuyện cổ nước mình* *Non-bu và Heng-bu*	Đọc hiểu thể loại cổ tích	Trạng ngữ – chức năng liên kết câu.	Kể lại một chuyện cổ tích.	Kể lại một chuyện cổ tích.
Vẻ đẹp quê hương	*Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương* *Việt Nam quê hương ta* *Về bài ca dao "Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng…"* *Hoa bìm*	Đọc hiểu thơ lục bát	Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.	Làm một bài thơ lục bát Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ lục bát.	Trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã đọc.
Những trải nghiệm trong đời	*Bài học đường đời đầu tiên* *Giọt sương đêm* *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* *Cô Gió mất tên*	Đọc hiểu truyện đồng thoại	Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
Trò chuyện cùng thiên nhiên	*Lao xao ngày hè* *Thương nhớ bầy ong* *Đánh thức trầu* *Một năm ở Tiểu học*	Đọc hiểu hồi kí	Ẩn dụ, hoán dụ.	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.	Trình bày về một cảnh sinh hoạt.
Điểm tựa tinh thần	*Gió lạnh đầu mùa* *Tuổi thơ tôi* *Con gái của mẹ* *Chiếc lá cuối cùng*	Đọc hiểu VB thông tin	Công dụng của dấu ngoặc kép.	Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc.	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
Gia đình thương yêu	*Những cánh buồm* *Mây và sóng* *Chị sẽ gọi em bằng tên* *Con là…*	Đọc hiểu thơ	Từ đa nghĩa và từ đồng âm.	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
Những góc nhìn cuộc sống	*Học thầy học bạn* *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* *Góc nhìn* *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?*	Đọc hiểu VB nghị luận	Từ mượn; Từ gốc Hán.	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

Nuôi dưỡng tâm hồn	*Lẵng quả thông* *Con muốn làm một cái cây* *Và tôi nhớ khói* *Cô bé bán diêm*	Đọc hiểu truyện	Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB.	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
Mẹ Thiên Nhiên	*Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro* *Trái Đất – Mẹ của muôn loài* *Hai cây phong* *Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ*	Đọc hiểu VBthông tin	Công dụng của dấu chấm phẩy Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện.	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.

Phần đọc trong mỗi bài học sẽ gồm hai VB đọc chính cùng chủ điểm và cùng thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kĩ năng đọc theo thể loại đồng thời thực hiện kĩ năng liên hệ, so sánh để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB. VB thứ ba khác về thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ điểm, giúp HS hiểu: cùng một chủ điểm nhưng có nhiều cách thể hiện khác nhau. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kĩ năng liên hệ, so sánh VB này với VB khác đồng thời tăng hứng thú cho HS. VB thứ tư cùng thể loại, chủ điểm với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại, tạo cho HS cơ hội sử dụng kiến thức đã học về thể loại để đọc VB khác cùng thể loại (HS tự đọc ở nhà, đến lớp thảo luận). Vì thế, các câu hỏi về VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

Các yêu cầu cần đạt được triển khai được thể hiện qua các hoạt động cụ thể trong từng bài học. Bài *Gia đình thương yêu* dưới đây là một ví dụ (tr. 26, tập hai):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. — Đọc hiểu
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.
- Nhận biết được từ đa nghĩa và từ đồng âm; phân tích được tác dụng của chúng. — Tiếng Việt
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. — Viết, Nói - nghe
- Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình. — Phẩm chất

Các yêu cầu trên được triển khai trong các câu hỏi, bài tập trong bài học để giúp HS đạt được yêu cầu "nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ" và "nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ", sách nêu câu hỏi (tr. 31, tập hai):

4. Hãy nêu hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ?

5. Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả? Những chi tiết nào trong bài thơ khiến em có cảm nhận đó?

Để giúp HS đạt được yêu cầu "Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ", sách trình bày yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ, sau đó hướng dẫn HS phân tích đoạn văn mẫu để HS hiểu được đặc điểm đoạn văn (tr. 37, tập hai):

Đọc đoạn văn trên và thực hiện những yêu cầu sau:

- Tìm những từ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.
- Tác giả đoạn văn đã sử dụng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc?
- Những câu nào thuộc về phần mở đoạn? Vì sao em biết?
- Những câu nào thuộc về phần thân đoạn? Phần này trình bày nội dung gì?
- Hãy chỉ ra câu kết của đoạn văn và cho biết nội dung của nó?
- Tìm những từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó. Nêu tác dụng của những từ ngữ đó.

Tiếp theo, sách ra đề và hướng dẫn HS từng bước trong quy trình tạo lập VB. Sách còn trình bày các bảng kiểm để hướng dẫn HS tự đọc và tự điều chỉnh bài viết (tr. 37, tập hai):

Bảng kiểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.	
	Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc về bài thơ.	
	Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu.	
	Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
	Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.	
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.	
	Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

Như vậy, mọi hoạt động dạy học đều thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, không đi ra ngoài cũng như không nâng cao yêu cầu cần đạt đã xác định (trừ trường hợp dạy lớp chuyên, khi HS đã đạt được yêu cầu cần đạt mà chương trình đã nêu), cũng không dựa trên trình độ HS mà giảm mức độ của yêu cầu cần đạt, vì yêu cầu đó là chuẩn tối thiểu mà HS mọi vùng miền cần đạt.

2.2. Phân tích kết cấu chủ điểm/ bài học

Các bài học trong *Ngữ văn 6* được phân bố thành ba mạch chính: tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu xã hội, tìm hiểu bản thân. Cụ thể như sau:

Tìm hiểu thiên nhiên	Tìm hiểu xã hội	Tìm hiểu bản thân
– Trò chuyện cùng thiên nhiên – Mẹ Thiên Nhiên	– Lắng nghe lịch sử nước mình – Miền cổ tích – Vẻ đẹp quê hương – Gia đình thương yêu – Những góc nhìn cuộc sống	– Những trải nghiệm trong đời – Điểm tựa tinh thần – Nuôi dưỡng tâm hồn

Bài mở đầu: Hoà nhập vào môi trường mới
Bài 11: Bạn sẽ giải quyết vấn đề này như thế nào?

Sách gồm 10 bài học chính tương ứng với 10 chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi với cuộc sống của HS. Ở tập một, HS sẽ được học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*); khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích, từ đó rút ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người (bài *Miền cổ tích*); yêu quý, tự hào với những vẻ đẹp của thiên nhiên, con người (bài *Vẻ đẹp quê hương*); trải nghiệm thế giới xung quanh để nhận ra những mặt tốt đẹp cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân (bài *Những trải nghiệm trong đời*); quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên (bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*).

Ở tập hai, HS sẽ được tìm hiểu giá trị của những điểm tựa trong cuộc sống mỗi khi đối mặt với thử thách (bài Điểm tựa t*inh thần*); cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa của gia đình đối với cuộc sống của mỗi người và học cách yêu thương gia đình (bài *Gia đình thương yêu*); học cách nhìn cuộc sống từ những góc độ khác nhau, tôn trọng sự khác biệt và biết cách trao đổi, thuyết phục người khác lắng nghe ý kiến của mình (bài *Những góc nhìn cuộc sống*); thấu hiểu ý nghĩa của việc nuôi dưỡng một đời sống tâm hồn phong phú đối với cuộc sống của bản thân (bài *Nuôi dưỡng tâm hồn*); khám phá thiên nhiên và học cách chung sống, trân quý và bảo vệ vạn vật xung quanh mình (bài *Mẹ Thiên Nhiên*).

Ngoài ra, trong bài mở đầu cuốn sách HS được làm quen với các bạn và môi trường học tập mới (bài *Hoà nhập vào môi trường mới*). Cuối cuốn sách, HS được đặt vào một số tình huống thực tế, tìm những cách khác nhau để giải quyết những vấn đề của chính các em (bài *Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?*).

Mỗi bài học là một cột mốc trong cuộc hành trình đầy ắp những điều mới lạ và hấp dẫn, giúp HS hiểu thêm về con người, xã hội, thiên nhiên và về chính bản thân mình.

Ẩn trong từng nội dung bài học là các lí thuyết, mô hình, phương pháp dạy học nhằm hướng dẫn HS trong suốt tiến trình học đọc, viết, nói và nghe. Cụ thể là giúp các em quan sát mẫu để học theo mẫu một cách sáng tạo; là tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ về những gì đã đọc, viết, nói và nghe.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ điểm/ bài học theo các mạch kiến thức

Cấu trúc mỗi bài học của *Ngữ văn 6* gồm 6 mục, có sự kết nối chặt chẽ giữa yêu cầu cần đạt, giới thiệu bài học, trình bày kiến thức mới (cung cấp những lí thuyết có tính chất công cụ để giúp HS đọc hiểu, viết, nói và nghe) và các hoạt động hướng dẫn HS đọc, làm bài tập tiếng Việt, viết, nói và nghe, ôn tập (xem sơ đồ sau):

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Định hướng yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất.
GIỚI THIỆU BÀI HỌC **CÂU HỎI LỚN**	Cung cấp thông tin tổng quát về bài học và khơi gợi hứng thú.
ĐỌC: Tri thức Ngữ văn (đọc hiểu, tiếng Việt) VB 1, 2: thuộc thể loại chính của bài học VB 3: Đọc kết nối chủ điểm, thuộc thể loại khác VB 4: Đọc mở rộng theo thể loại: thực hành đọc thể loại chính của bài học **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** **VIẾT NGẮN**	Cung cấp tri thức công cụ để đọc VB. Hướng dẫn đọc VB nhằm đạt mục tiêu bài học. Thực hành kiến thức tiếng Việt để đọc hiểu và tạo lập VB.
VIẾT: Tri thức về kiểu bài Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản Hướng dẫn quy trình viết	Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB. Hướng dẫn các bước tạo lập VB.
NÓI – NGHE Tri thức về kiểu bài Hướng dẫn quy trình nói – nghe	Cung cấp tri thức công cụ Hướng dẫn nói, nghe
ÔN TẬP	Củng cố kiến thức; suy ngẫm về những gì đã học.

So sánh cấu trúc bài học như trên với cấu trúc bài học trong SGK hiện hành, ta thấy có những điểm khác biệt cơ bản sau:

Ngữ văn 6 (Chân trời sáng tạo)	**Ngữ văn 6 (sách hiện hành)**
Yêu cầu cần đạt	
Giới thiệu bài học và câu hỏi lớn cho toàn bài	
Tích hợp đọc, viết, nói – nghe, tiếng Việt	Chỉ tích hợp đọc và tiếng Việt
Nhiệm vụ học tập được thiết kế bám sát yêu cầu, giúp HS đạt yêu cầu về năng lực	Nhiệm vụ học tập tập trung vào kiến thức
Hướng dẫn HS phân tích mẫu, viết theo quy trình	Hầu như không hướng dẫn phân tích mẫu, không hướng dẫn viết theo quy trình
Hướng dẫn HS nói – nghe	
Có các bảng kiểm về viết, nói – nghe	

Nhìn vào bảng so sánh trên ta thấy những điểm khác biệt cơ bản của *Ngữ văn 6* (bộ Chân trời sáng tạo) so với *Ngữ văn 6* hiện hành là: xác định rõ yêu cầu cần đạt dựa trên yêu cầu cần đạt mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra; nội dung và các hoạt động học tập được triển khai dựa vào yêu cầu cần đạt; tích hợp cả về chủ điểm – thể loại lẫn kĩ năng; hướng dẫn HS viết, nói – nghe bằng phương pháp phân tích mẫu; phát triển khả năng tự điều chỉnh của HS thông qua bảng kiểm.

2.4. Phân tích một số chủ đề, bài học đặc trưng

Những điểm mới về yêu cầu cần đạt của bài học, tích hợp đọc, viết, nói nghe với tiếng Việt và cách trình bày tri thức, nội dung các nhiệm vụ học tập của *Ngữ văn 6* được thể hiện qua từng bài học. Dưới đây là hai ví dụ về bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên* (tập một) và *Những góc nhìn cuộc sống* (tập hai).

2.4.1. Trò chuyện cùng thiên nhiên

2.4.1.1. Về yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học này thể hiện các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (đọc, viết, nói – nghe) và phẩm chất mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra (tr. 110, tập một):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về một cảnh sinh hoạt.
- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

2.4.1.2. Về tích hợp

Trong bài học này, HS được học các hồi kí nói về sự tương tác giữa con người với thiên nhiên, đó là các VB: *Lao xao ngày hè* (Duy Khán), *Thương nhớ bầy ong* (Huy Cận, Xuân Diệu). Các tác giả đã miêu tả cảnh ngày hè ở làng quê, cảnh đàn ong bay đi. Đọc hai VB này, HS sẽ học được cách miêu tả cảnh sinh hoạt. Vì thế, trong phần Viết, HS được dạy cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sau đó, trong phần Nói và nghe, HS được học cách chia sẻ, trao đổi với bạn về một cảnh sinh hoạt mà các em đã chứng kiến. Trong các VB đọc, các tác giả đã sử dụng một số biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ. Do đó, trong phần tiếng Việt, HS được học về hai biện pháp tu từ này để có thể đọc, viết tốt hơn.

Quan điểm tích hợp còn được thể hiện trong yêu cầu HS viết đoạn văn có sử dụng kiến thức tiếng Việt đã học, cụ thể là (tr. 122, tập một):

Viết ngắn

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.

2.4.1.3. Về cách trình bày tri thức

Tri thức Ngữ văn gồm hai mục: (1) *Tri thức đọc hiểu*; (2) *Tri thức tiếng Việt*. Trong mục thứ nhất, sách trình bày tri thức về kí, bao gồm hồi kí và du kí; một số đặc điểm của hồi kí. Trong mục thứ hai, sách giải thích thế nào là ẩn dụ, hoán dụ. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, đảm bảo yêu cầu về kiến thức tiếng Việt và Ngữ văn mà chương trình yêu cầu, giúp HS có đủ kiến thức nền để đọc hiểu thể loại hồi kí.

Các tri thức về viết và nói – nghe cũng được trình bày ngắn gọn, gồm định nghĩa về kiểu bài tả cảnh sinh hoạt, đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài.

2.4.1.4. Về các nhiệm vụ học tập

a. Nhiệm vụ học tập phần Đọc

Các câu hỏi đọc hiểu cho VB 1 và VB 2 được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt, sao cho sau khi trả lời các câu hỏi này, HS đạt được yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thể loại hồi kí mà chương trình đề ra. Ví dụ: mục tiêu "Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí; Nhận biết được chủ điểmcủa VB; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB" được thể hiện qua hai câu hỏi (tr. 115, tập một):

1. Bức tranh cuộc sống trong *Lao xao ngày hè* được miêu tả qua cảm nhận của ai, theo ngôi kể nào?
2. Hãy liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong văn bản. Theo em, việc kết hợp miêu tả, biểu cảm khi kể chuyện đã giúp ích gì cho việc thể hiện không khí ngày hè?

Phần lớn các câu hỏi đọc hiểu tập trung vào việc hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại hồi kí để các em biết cách đọc hiểu VB tương tự về thể loại.

b. Nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

Yêu cầu cần đạt "Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng" được thể hiện trong bài tập sau trong mục *Thực hành tiếng Việt* (tr. 121, tập một):

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi ở dưới:

Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già! Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: "chè cheo chét"... Chèo bẻo trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm!

a. Chỉ ra biện pháp ẩn dụ trong đoạn văn.

b. Nêu nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm với nhau và tác dụng của biện pháp này trong việc miêu tả loài vật.

Những câu hỏi này tập trung vào các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong các VB để giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn.

c. Nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

Yêu cầu cần đạt "Vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói" được thể hiện qua yêu cầu viết ngắn (tr. 122, tập một):

Viết ngắn

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.

Bài tập này tạo cho HS cơ hội vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ vừa học vào tạo lập đoạn văn.

d. Nhiệm vụ học tập phần Viết

Yêu cầu cần đạt "Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt" được thể hiện qua một loạt các hoạt động: từ việc yêu cầu HS đọc và phân tích VB mẫu để từ đó học cách tạo lập kiểu VB tương tự đến các yêu cầu xác định đề tài, thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Một điểm mới đặc biệt của phần viết là bảng kiểm bài viết tả cảnh sinh hoạt. HS có thể dùng bảng kiểm này để tự điều chỉnh bài viết của mình đồng thời góp ý cho bài viết của bạn (tr. 128, tập một).

Bảng kiểm bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi xưng hô phù hợp trong khi quan sát, miêu tả.	
	Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra cảnh sinh hoạt.	
Thân bài	Tả bao quát cảnh sinh hoạt.	
	Tái hiện được các sự vật, đường nét, màu sắc, âm thanh cụ thể.	
	Kết hợp các giác quan khi quan sát và miêu tả.	
	Tả cảnh sinh hoạt theo trình tự.	
	Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc đối với con người, cuộc sống được miêu tả.	
Kết bài	Nêu được ấn tượng, tình cảm của người viết đối với cảnh sinh hoạt.	

e. Nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt "Nói và nghe về một cảnh sinh hoạt" được thể hiện qua đề bài trình bày về một cảnh sinh hoạt và các yêu cầu xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá trong hai vai trò người nghe và người nói (tr. 130, tập một).

Bảng kiểm bài nói về một cảnh sinh hoạt

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Cảnh được tả bao quát.	
Cảnh được tả cụ thể.	
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp.	
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	

2.4.2. Những góc nhìn cuộc sống

2.4.2.1. Về yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học này thể hiện các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (đọc, viết, nói – nghe) và phẩm chất mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra (tr. 40, tập hai):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.
- Nhận biết được từ mượn, biết cách sử dụng từ mượn; nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.
- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

2.4.2.2. Về quan điểm tích hợp

– Tích hợp đọc theo chủ đề: Các VB đọc của bài 8 đều xoay quanh chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống*. Cụ thể như sau: VB *Học thầy, học bạn* nói về những góc nhìn khác nhau về lợi ích của việc học thầy, học bạn, VB *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* đưa ra những góc nhìn khác nhau về nhân vật Thánh Gióng, VB đọc kết nối chủ điểm *Góc nhìn* là một câu chuyện với chủ điểm thay đổi góc nhìn, thay đổi cuộc sống, VB đọc mở rộng theo thể loại đưa ra những góc nhìn khác nhau để trả lời cho câu hỏi *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?*.

– Tích hợp đọc, viết, nói và nghe theo thể loại: Hai VB đọc chính thuộc thể loại văn nghị luận sẽ là tiền đề để HS triển khai phần viết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, nội dung phần viết sẽ được HS chuyển thành nội dung trình bày trong phần Nói và nghe.

– Tích hợp tiếng Việt: Trong VB đọc, các tác giả có sử dụng từ mượn, từ Hán Việt, do đó, phần Thực hành tiếng Việt sẽ cung cấp tri thức về từ mượn và từ Hán Việt.

– Tích hợp với phần Viết ngắn: Phần Viết ngắn được tích hợp cả chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống* và cả tiếng Việt. Cụ thể như sau (tr. 49, tập hai):

Viết ngắn

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.

2.4.2.3. Về cách trình bày tri thức

Tri thức Ngữ văn gồm hai mục: (1) *Tri thức đọc hiểu*; (2) *Tri thức tiếng Việt*. Trong mục thứ nhất, sách trình bày tri thức về văn nghị luận. Trong mục thứ 2, sách giải thích thế nào là từ mượn, từ Hán Việt. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, đảm bảo yêu cầu về kiến thức tiếng Việt và Ngữ văn mà chương trình yêu cầu, giúp HS có đủ kiến thức nền để đọc hiểu thể loại văn nghị luận. Tri thức đọc hiểu hướng đến giúp HS hình thành khái niệm về thể loại, nhằm hướng đến đọc hiểu thể loại, cho nên sách đã cung cấp phần ví dụ dưới dạng sơ đồ trực quan, sinh động (tr. 41, tập hai):

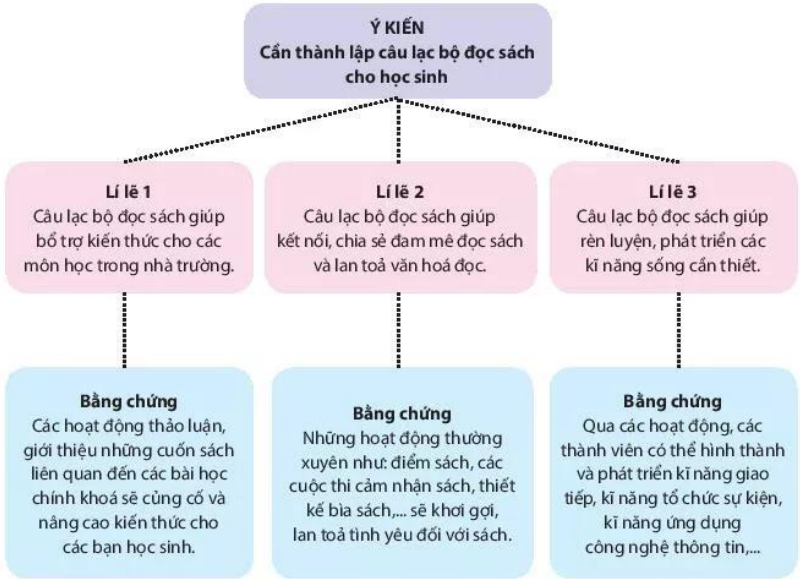

Sơ đồ: Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận

Các tri thức về Viết và Nói – Nghe cũng được trình bày ngắn gọn, gồm định nghĩa về kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống, đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài.

2.4.2.4. Về các nhiệm vụ học tập

a. Nhiệm vụ học tập phần đọc

Các câu hỏi đọc hiểu cho VB 1 và VB 2 được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt, sao cho sau khi trả lời các câu hỏi này, HS đạt được yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thể loại văn nghị luận mà chương trình đề ra. Ví dụ: mục tiêu "Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu VB nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng" được thể hiện qua các câu hỏi (tr. 43, tập hai):

1. Xác định những câu văn thể hiện ý kiến của người viết về việc học thầy, học bạn.
2. Để thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?

Để làm bật được tương quan giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, hệ thống câu hỏi có tích hợp sơ đồ để hướng dẫn HS trả lời. Sơ đồ này tương thích với sơ đồ ví dụ được trình bày trong phần Tri thức đọc hiểu. Cụ thể như sau (tr. 44, tập hai):

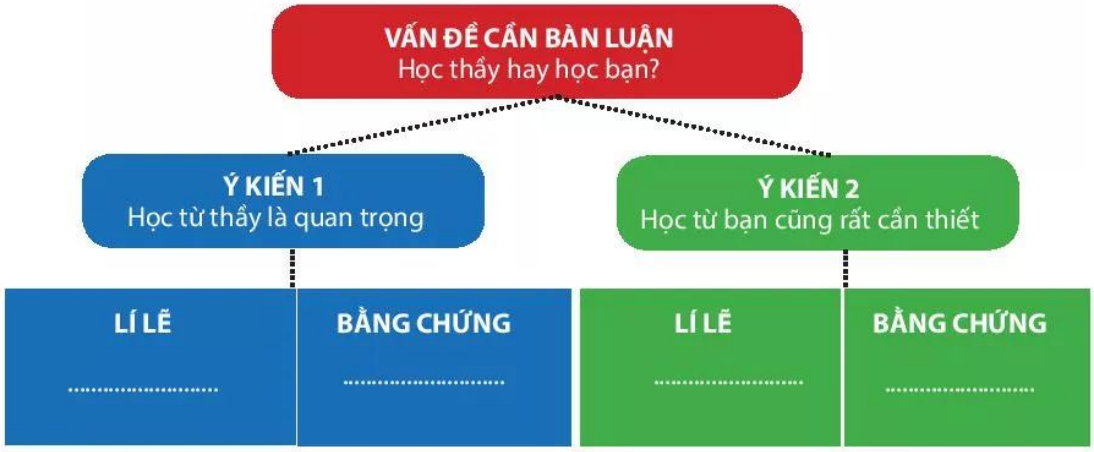

Phần lớn các câu hỏi đọc hiểu tập trung vào việc hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại văn nghị luận để các em biết cách đọc hiểu VB tương tự về thể loại.

b. Nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

Yêu cầu cần đạt "Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt" được thể hiện qua một số bài tập như sau (tr. 48, tập hai):

4. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong các câu sau:

a. *Thấy con mình có **tài năng** thiên bẩm về **hội hoạ**, người cha đã cho cậu theo học thầy Ve-rốc-chi-ô, một **hoạ sĩ** nổi tiếng.*

b. *Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua có vẻ mâu thuẫn, **phủ định** lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng **bổ sung** cho nhau, làm cho **nhận thức** về việc học thêm toàn diện.*

c. *Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của **dân tộc** bình thường tiềm ẩn trong **nhân dân**, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười.*

d. *Quá trình **phát triển** của nhân vật Thánh Gióng đồi dào ý nghĩa **nhân sinh** và nên thơ, nên hoạ biết bao!*

Những câu hỏi này tập trung vào các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong các VB để giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn.

c. Nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

Yêu cầu cần đạt "Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt" được tích hợp vào phần viết ngắn (tr. 49, tập hai):

Viết ngắn

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.

Bên cạnh đó, yêu cầu phần viết ngắn cũng được tích hợp với chủ điểm của bài học.

d. Nhiệm vụ học tập phần Viết

Yêu cầu cần đạt "Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống" được thể hiện qua một loạt các hoạt động: từ việc yêu cầu HS đọc và phân tích VB mẫu để từ đó học cách tạo lập kiểu VB tương tự đến các yêu cầu xác định đề tài, thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Một điểm mới đặc biệt của phần viết là bảng kiểm bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống. HS có thể dùng bảng kiểm này để tự điều chỉnh bài viết của mình đồng thời góp ý cho bài viết của bạn (tr. 56, tập hai).

Bảng kiểm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Có dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận.	
	Nêu được cụ thể hiện tượng sẽ bàn luận.	
Thân bài	Thể hiện rõ ràng ý kiến về hiện tượng.	
	Trình bày được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để làm rõ ý kiến.	
	Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.	
	Đã sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.	
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến của mình.	
	Đề xuất được những giải pháp.	

e. Nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt "Trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống" được thể hiện qua đề bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống và các yêu cầu xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá trong hai vai trò người nghe và người nói (tr. 58, tập hai).

Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.	
Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định.	
Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.	
Người trình bày ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả.	